

Phần 2

Chương 1: Cơ sở kinh tế học của phương pháp phân tích chi phí lợi ích (CBA)

Cơ sở kinh tế học phúc lợi của CBA

- Mục tiêu kinh tế trong Phân tích CBA
- Tối ưu Pareto và các khái niệm về hiệu quả
- Phân biệt cải thiện Pareto thực tế và cải thiện Pareto tiềm năng

Cơ sở đạo đức của CBA

Cơ sở đạo đức của CBA được phát biểu theo 3 tiền đề sau:

- Các hàng hoá dịch vụ, hoạt động được đánh giá dựa trên **tính hữu dụng** của chúng đối với con người
- Sự lợi ích đối với con người được đánh giá dựa vào **lợi ích đối với cá nhân**, và các cá nhân này được coi như người đánh giá tốt nhất phúc lợi của chính họ
- Phúc lợi của **tất cả** các cá nhân đều phải được tính đến

Mục tiêu kinh tế trong Phân tích CBA

Mỗi xã hội thường có 3 mục tiêu chính:

- Cải thiện phúc lợi kinh tế:
- Cải thiện công bằng xã hội:
- Cải thiện chất lượng môi trường:

Mục tiêu kinh tế trong Phân tích CBA

- CBA đánh giá sự ưa thích của các phương án theo mục tiêu đầu tiên, phúc lợi kinh tế.
- Hai mục tiêu còn lại: xã hội và môi trường được đo lường theo đóng góp của chúng đến kinh tế

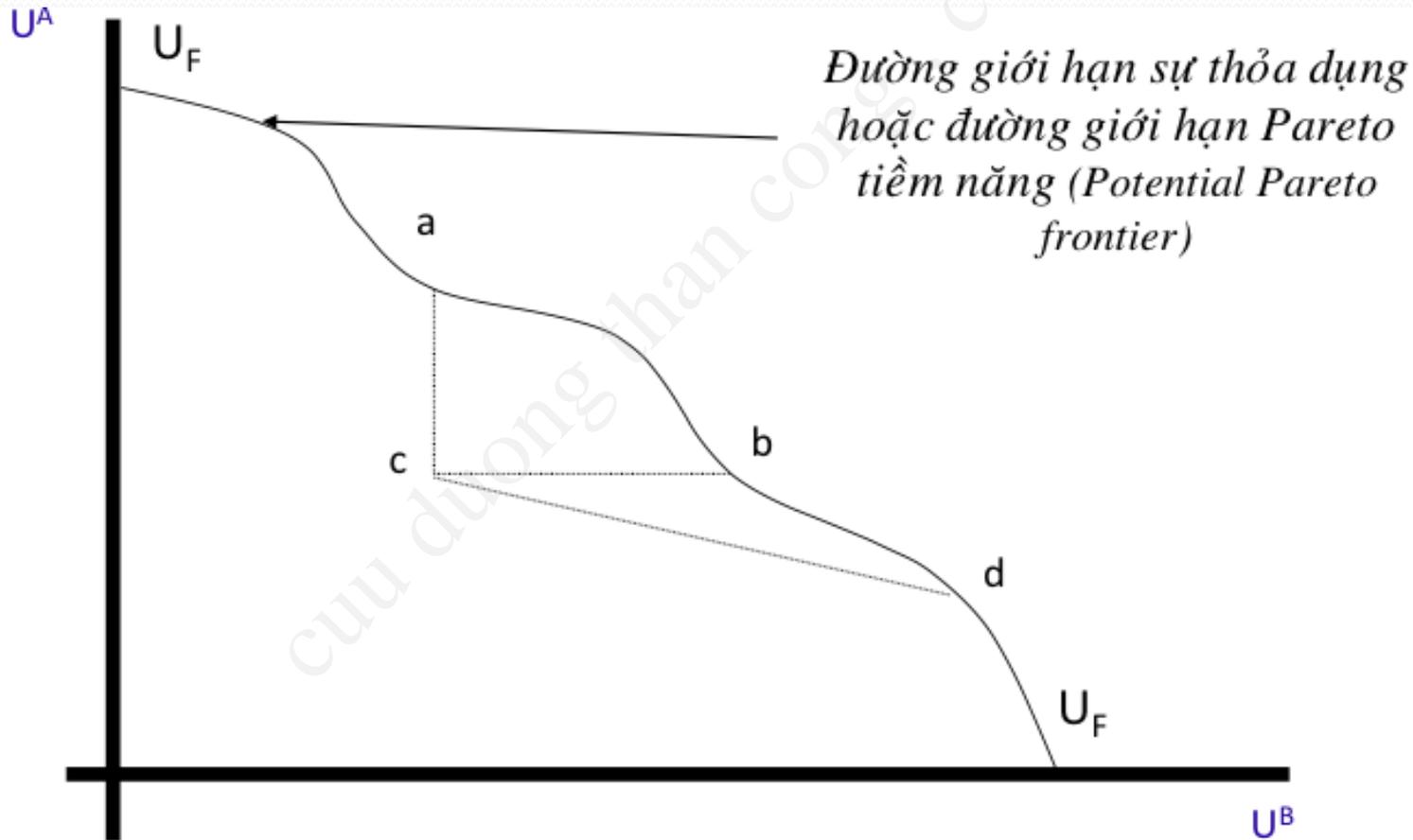
Độ thoả dụng (utility)

- Bất cứ điều gì ích lợi đều đem lại sự thoả dụng. Sự thoả dụng mang ý nghĩa của đời sống khá hơn, sự thoả mãn, hạnh phúc, cảm giác dễ chịu hoặc điều gì đó tốt hơn
- Ngược lại, điều gì bất lợi, có hại thì đem lại sự không thoả dụng, mang ý nghĩa đời sống tệ hơn, bất hạnh, cảm giác khó chịu hoặc điều gì đó xấu đi

Tối ưu Pareto

- Khái niệm tối ưu Pareto: Tình trạng kinh tế trong đó không ai có thể giàu lên mà không làm người khác nghèo đi.
- Khái niệm “giàu” và “nghèo” nói về sự thoả dụng
- Tối ưu Pareto đạt được khi tất cả các khả năng làm tăng phúc lợi đã được sử dụng hết
- Mục tiêu của phúc lợi kinh tế là tình trạng tối ưu Pareto

Tối ưu Pareto



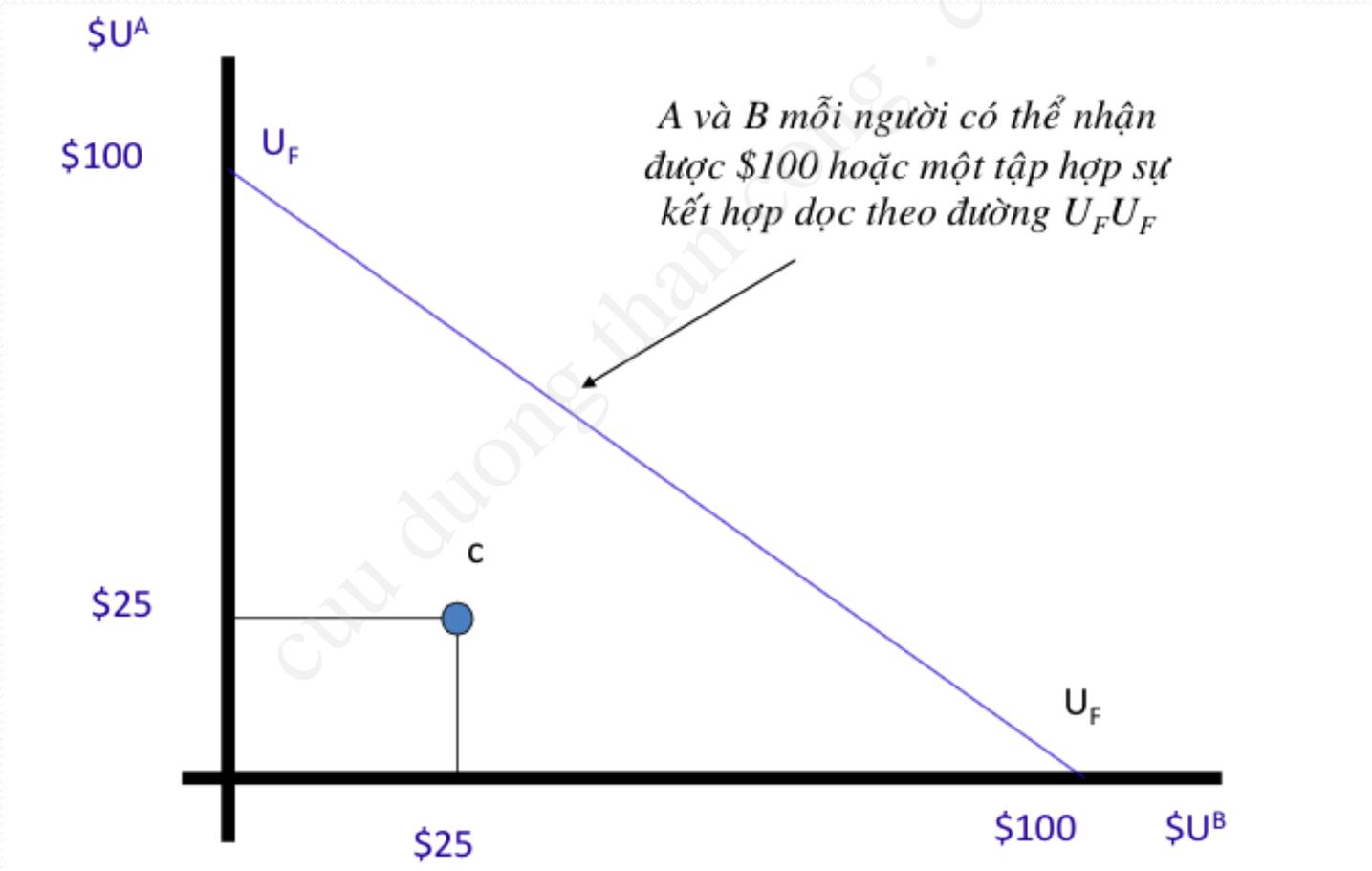
Tối ưu Pareto

- Chuyển từ a đến b, cải thiện phúc lợi của B chỉ có được bằng cách giảm phúc lợi của A => Điểm a hoặc b là điểm đạt tối ưu Pareto
- Những điểm dưới đường $U_F U_F$ là không hiệu quả vì vẫn có khả năng cải thiện phúc lợi
- Giả sử xã hội đang ở điểm c, bất kỳ sự phân bổ lại nào nằm trong tam giác abc sẽ làm tăng phúc lợi cho hai cá nhân mà không làm cho ai khác nghèo đi

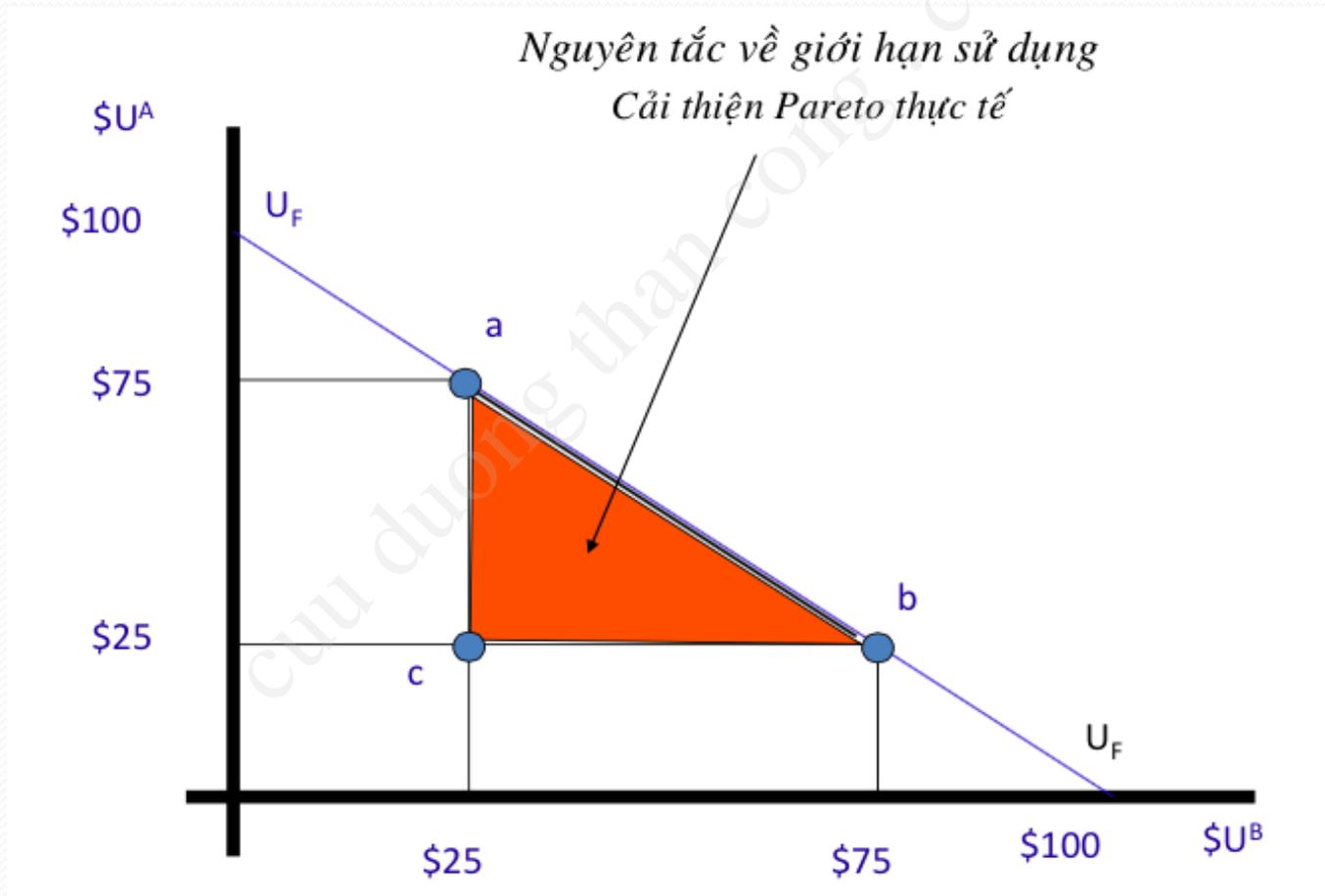
Tối ưu Pareto

- Ví dụ minh họa: Giả sử A và B hiện nhận được phúc lợi (quy thành tiền) là \$25 mỗi người. Tổng phúc lợi là \$50. Chính quyền đang xem xét một dự án tăng tổng phúc lợi lên \$100
- Trong điều kiện nào thì kết quả dự án sẽ làm A và B tốt hơn thời điểm hiện tại

Tối ưu Pareto



Tối ưu Pareto



- Cả A và B đều thích được chuyển đến bất kì điểm nào trên đường giới hạn Pareto (Pareto frontier) (đường bc)
- Những điểm này đạt hiệu quả Pareto
- Xã hội nên thực hiện dự án này

Tối ưu Pareto

- Nguyên tắc cơ bản cho lựa chọn là cải thiện Pareto thực tế. Cải thiện Pareto thực tế làm ít nhất một người giàu lên và không ai bị nghèo đi
- Tuy nhiên, điều này làm quyết định chỉ giới hạn trong các phương án thuộc tam giác abc

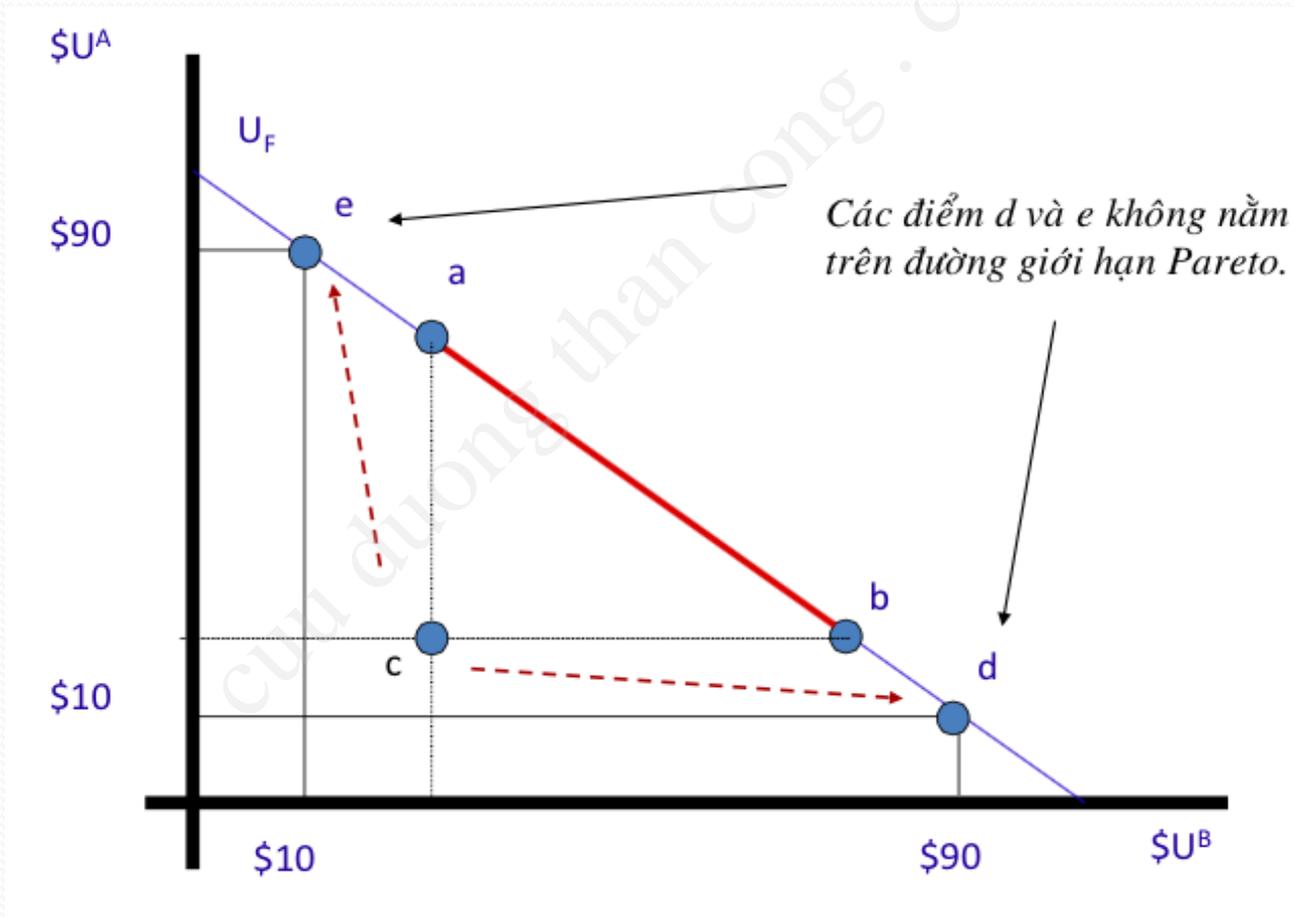
Tối ưu Pareto

Giả sử dự án dẫn đến tình trạng nằm ngoài đường giới hạn Pareto:

- A giàu lên trong khi B nghèo đi (điểm e)
- B giàu lên trong khi A nghèo đi (điểm d)

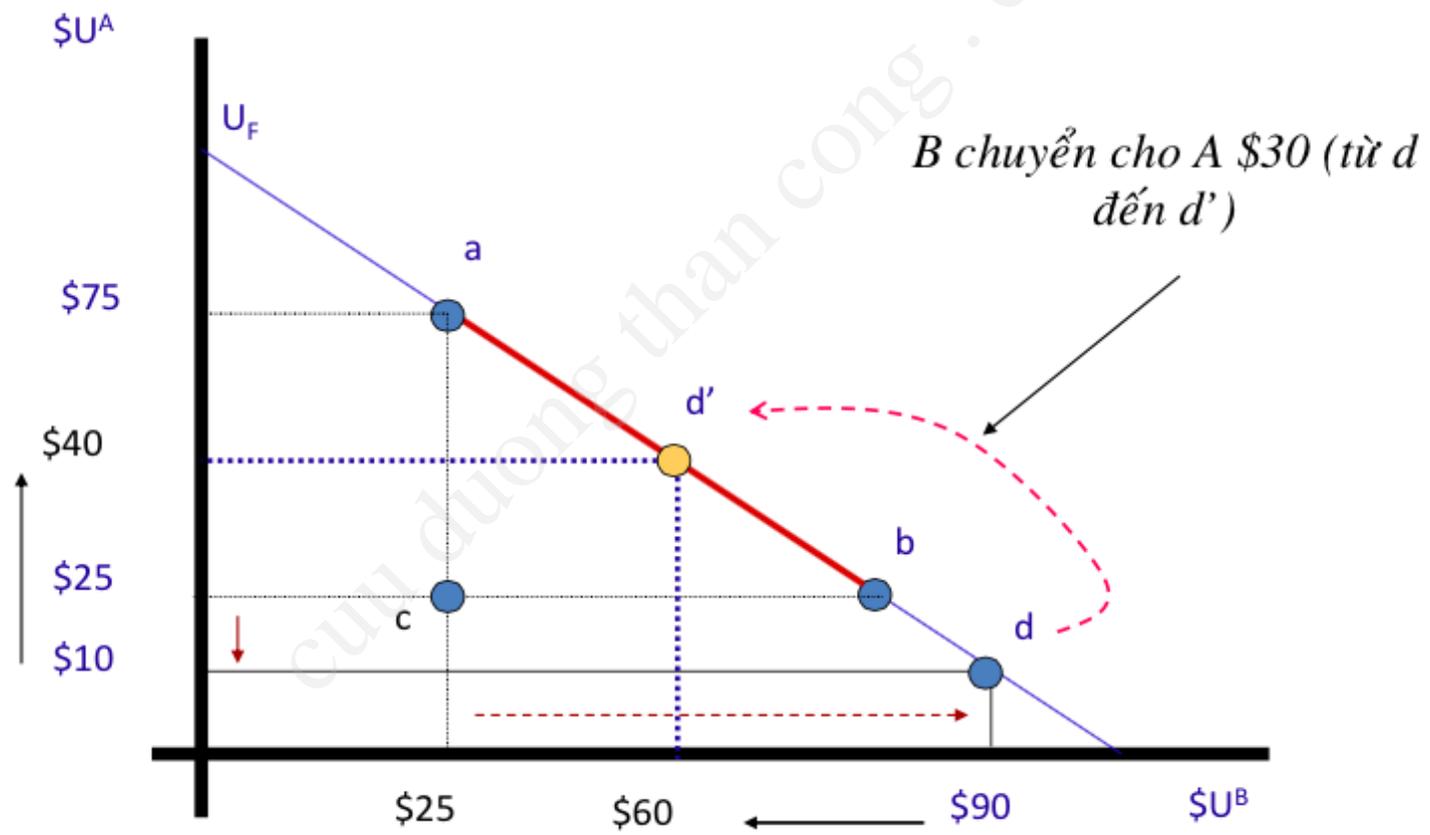
Các tình trạng này vi phạm nguyên tắc tối ưu Pareto. Vậy ta có nên loại bỏ chúng không?

Tối ưu Pareto



Tối ưu Pareto

- Phương án d: Phúc lợi của A giảm còn \$10 và B tăng lên \$90
- Giả sử chính quyền chấp nhận phương án d và điều tiết chính sách (có thể là phân phối lại) sao cho B được \$60 và A được \$40
- Như vậy, cả A và B đều có khả năng tốt hơn với phương án d
- Dự án d được gọi là cải thiện Pareto tiềm năng (Potential Pareto improvement), với điều kiện việc điều tiết chính sách không tổn kém



- Trên thực tế, rất hiếm dự án thoả mãn nguyên tắc cải thiện Pareto thực tế. Nếu ta chỉ chấp nhận các dự án thoả mãn nguyên tắc này thì xã hội sẽ không thể giải quyết được nhiều vấn đề có thể giải quyết được
- Một dự án có người được kẻ mất, nhưng lợi ích lớn hơn chi phí, và việc người được có thể đền bù (hoặc hối lộ) là **khả thi** thì đó là một cải thiện Pareto tiềm năng (cải thiện Kaldor-Hicks)

- Lưu ý rằng người được lợi không nhất thiết phải thực sự đền bù cho kẻ mất. Điều cần thiết là về nguyên tắc, việc đền bù là khả thi
- Cải thiện Kaldor – Hicks (cải thiện Pareto tiềm năng) được sử dụng phổ biến như một tiêu chí hiệu quả trong CBA

Cơ sở của nguyên tắc cải thiện Pareto tiềm năng:

- Bằng cách lựa chọn các dự án có lợi ích ròng dương, XH sẽ tối đa hoá tổng tài sản. Điều này gián tiếp giúp những người bị thiệt trong XH vì XH giàu hơn có nhiều khả năng giúp người nghèo hơn
- Các dự án khác nhau sẽ có các nhóm người được lợi/bị thiệt khác nhau. Vì thế, nếu nguyên tắc được áp dụng hợp lý, chi phí và lợi ích sẽ có xu hướng trung bình hoá để mỗi cá nhân sẽ có thể nhận được lợi ích ròng dương từ tập hợp các dự án

Cơ sở kinh tế học vi mô của CBA

- Vai trò của lý thuyết kinh tế vi mô trong CBA
- Đường cầu và lợi ích
- Đường cung và chi phí
- Tại sao giá sẵn lòng trả như một thước đo lợi ích của người tiêu dùng
- Thặng dư tiêu dùng, thặng dư sản xuất và lợi ích XH ròng
- Ảnh hưởng một số loại biến dạng thường gặp

- mặt kinh tế →
thiệt.
- Thị trường cạnh tranh là một thoả thuận trao đổi hàng hoá và dịch vụ trong đó mỗi người tham gia có thể được lợi và không ai mất mát
- => Thị trường cạnh tranh là hữu ích cho XH vì nó khuyến khích cải thiện Pareto

Bản chất thị trường

- Đóng vai trò quan trọng trong 3 hoạt động của nền kinh tế: sản xuất, trao đổi, tiêu dùng
- Là sự thoả thuận bất kì trong đó có sự trao đổi sản phẩm cuối cùng hoặc nhập lượng giữa người mua và người bán
- Sản phẩm được trao đổi bằng tiền + tác động qua lại giữa người mua người bán hình thành giá

Thị trường cạnh tranh hoàn hảo

- Số lượng: Nhiều người mua và người bán do đó không ai thể tác động đến giá. Người mua và người bán đều là cá nhân gia.
- Di chuyển: tham gia và rời bỏ thị trường dễ dàng.
- Sản phẩm: tương tự nhau (homogeneous products).
- Người bán không nắm quyền chế: không sự can thiệp về cung cầu.
- Thông tin

Cầu

- Cầu là hành vi ứng xử của người mua và nhà cung cấp.
- Cầu là hành vi ứng xử của người mua và nhà cung cấp.
- Quy luật cầu cho thấy mối quan hệ nghịch biến giữa giá cả và lượng cầu.

Đường cầu

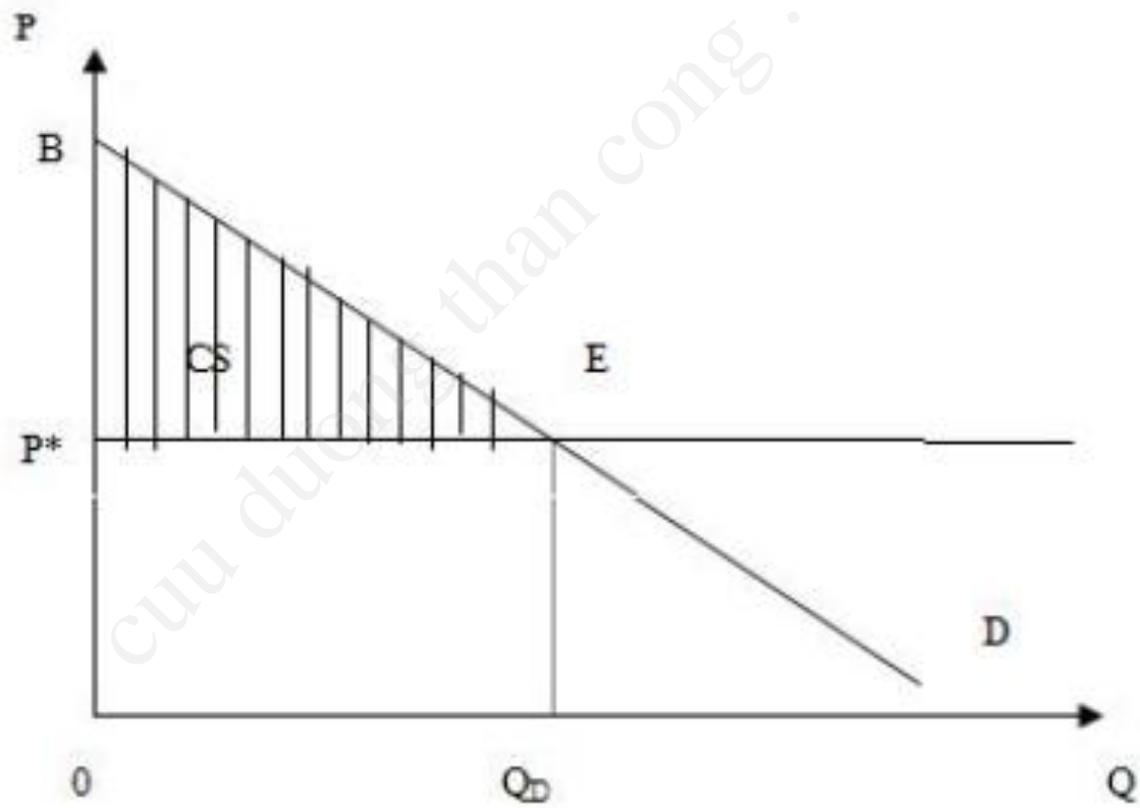
- ng_u ng_c ng_u n_s
thay i a ng_u theo gia.
- Đường cầu dốc xuống do lợi ích biên giảm dần + sự thay thế giữa các hàng hoá.
- Hình dạng đường cầu phụ thuộc vào thị hiếu, quy mô thị trường, các yếu tố tự nhiên, etc

Mức giá sẵn lòng trả

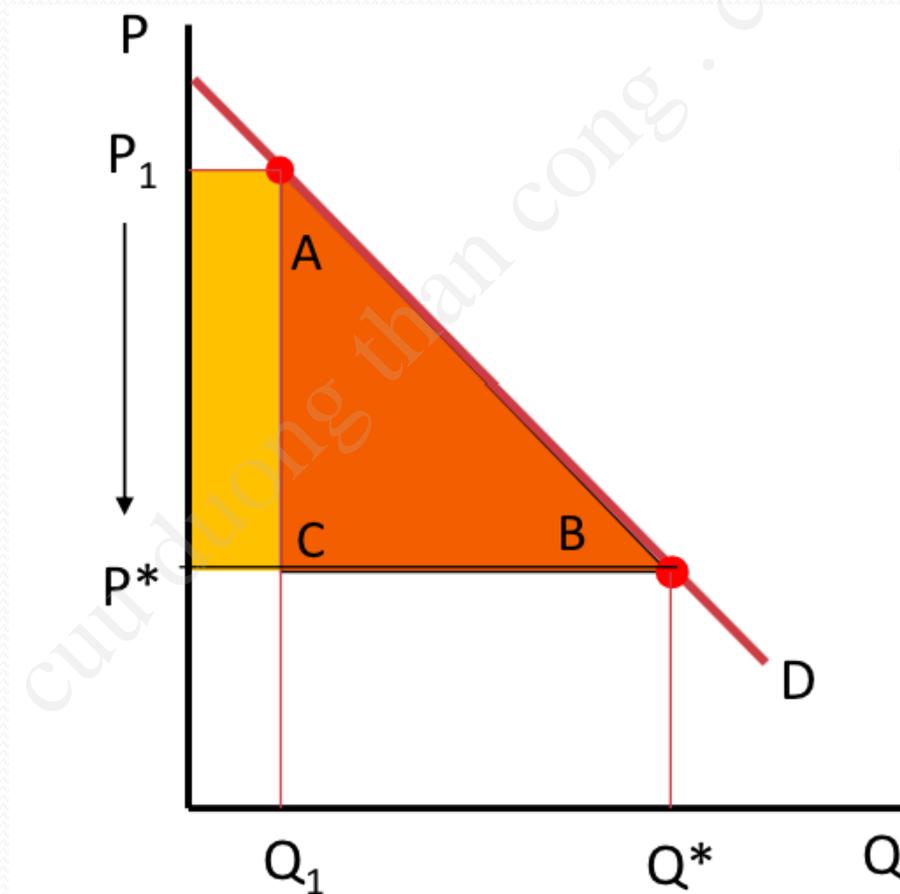
- Đường cầu thể hiện mức giá sẵn lòng trả (lợi ích biên)
- Tổng giá sẵn lòng trả = diện tích dưới đường cầu và bên trái điểm cân bằng
- Tổng giá sẵn lòng trả là thước đo lợi ích trong tiêu dùng của người mua

Thặng dư tiêu dùng

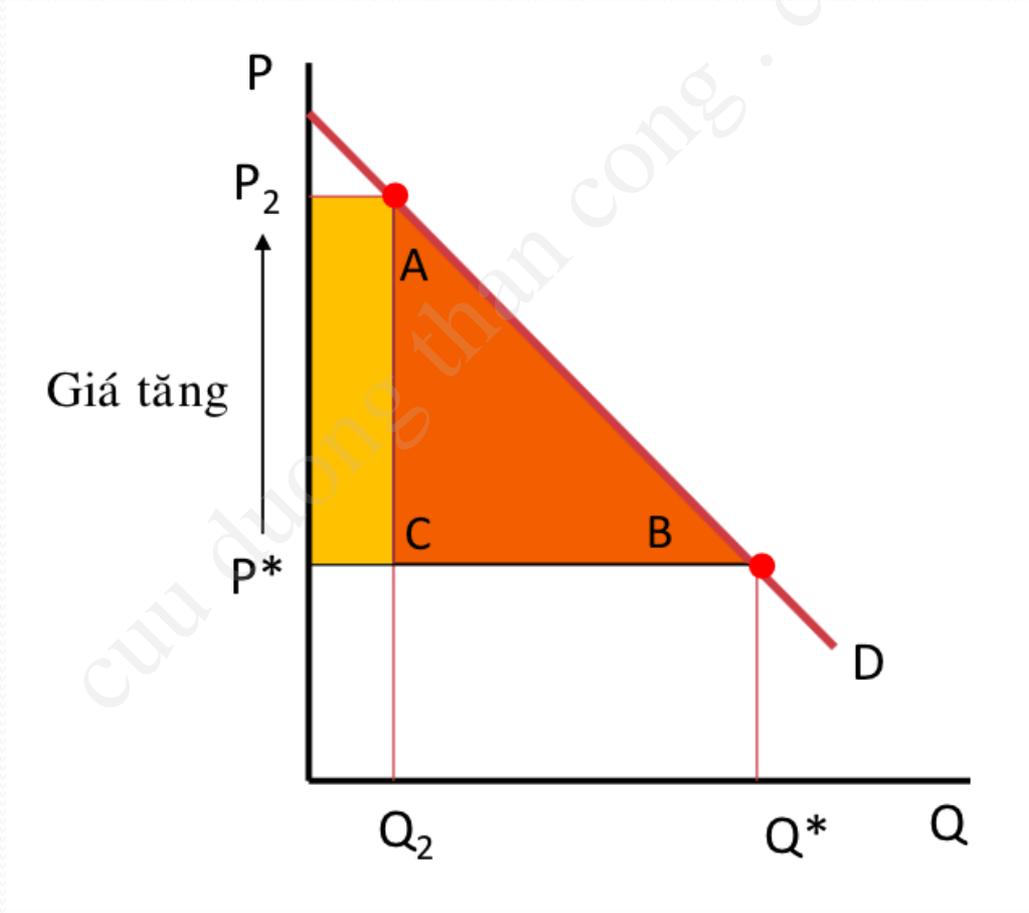
- Thặng dư tiêu dùng (CS) là chênh lệch giữa tổng mức sẵn lòng chi trả và khoản phải trả thực sự
- Khi xác định được đường cầu thì thặng dư tiêu dùng là khái niệm cơ bản trong CBA để đánh giá tác động

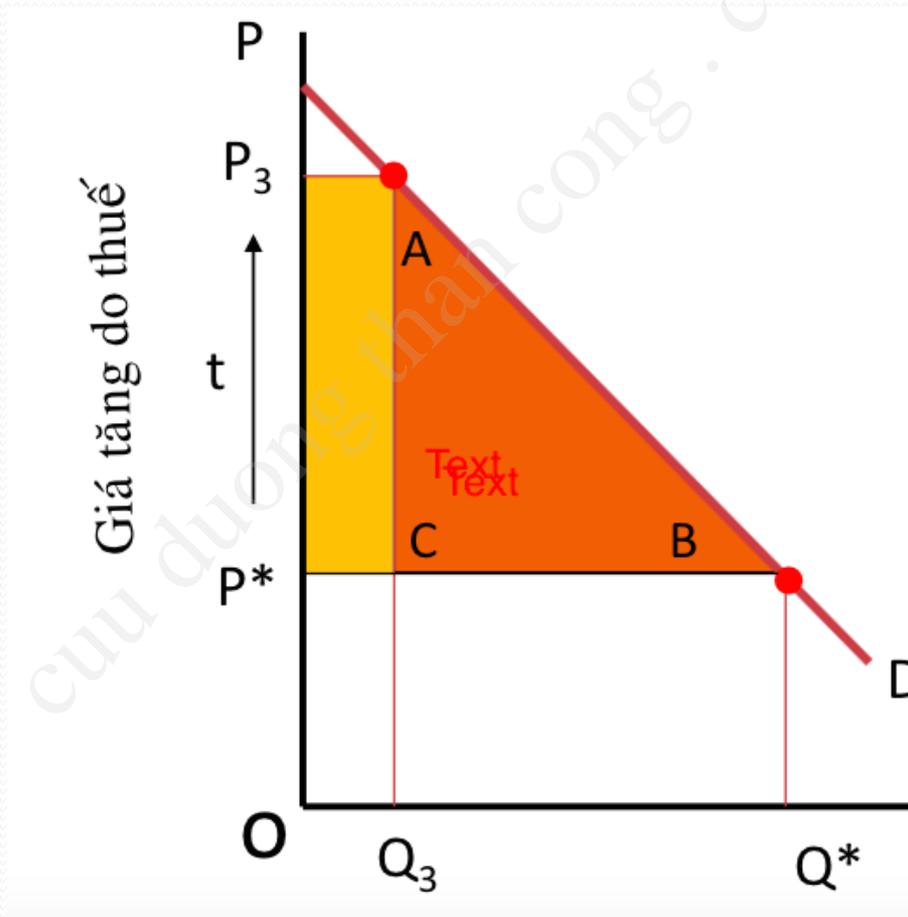


Thay đổi thặng dư tiêu dùng



- Giá giảm từ P_1 xuống P^*
- Lượng cầu tăng từ Q_1 lên Q^*
- Thay đổi trong CS là hình P_1ABP^* bao gồm:
 - Tam giác ABC do tiêu dùng tăng thêm
 - P_1ACP^* do giá rẻ hơn





Cung

- Cung thể hiện hành vi ứng xử của người bán

- | | | | | | | | |
|---------|-----|------|---|---|---|---|----|
| ng cung | ng | ng | a | i | n | n | ng |
| va | kha | năng | n | | | | |

- Quy luật cung cho

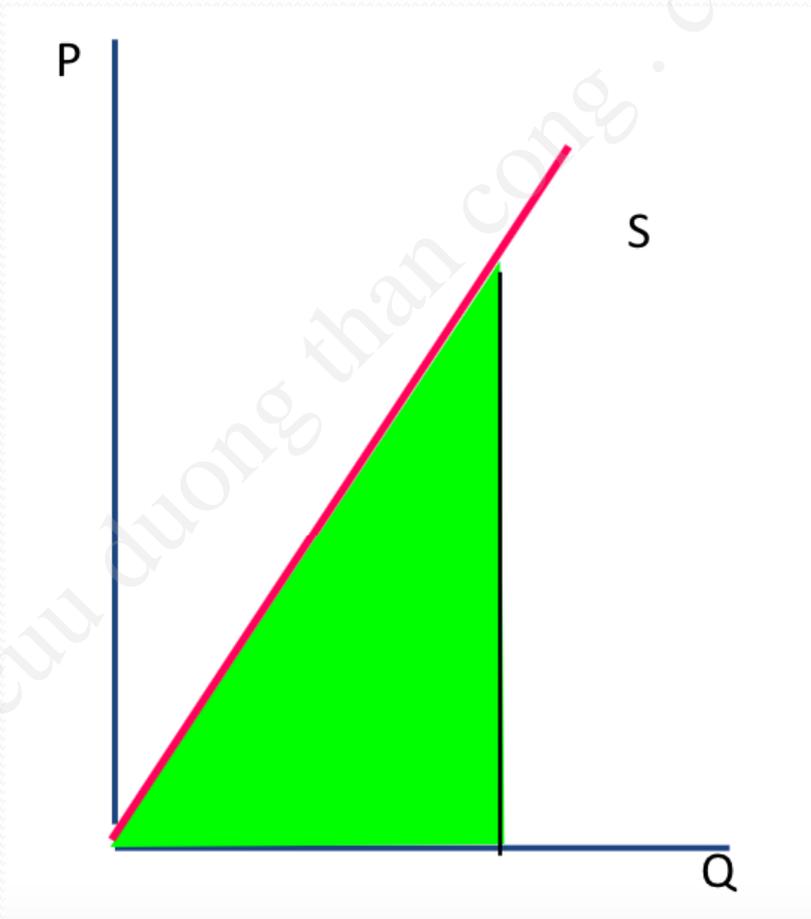
ng	i	quan	hệ	thuận	chiều
a	gia	va	ng	cung	

Đường cung

- Đường cung phản ánh mối quan hệ giữa giá và lượng cung
- Đường cung dốc lên phản ánh lợi tức biên giảm dần (hay chi phí biên tăng dần) đối với việc sử dụng đầu vào
- Hình dạng đường cung phụ thuộc vào công nghệ sản xuất

Chi phí cơ hội

- Đường cung thể hiện chi phí biên để sản xuất thêm hàng hoá
- Tổng chi phí nguồn lực được sử dụng để sản xuất ra một mức sản lượng = diện tích dưới đường cung
- Chi phí này cũng là chi phí cơ hội của nhập lượng



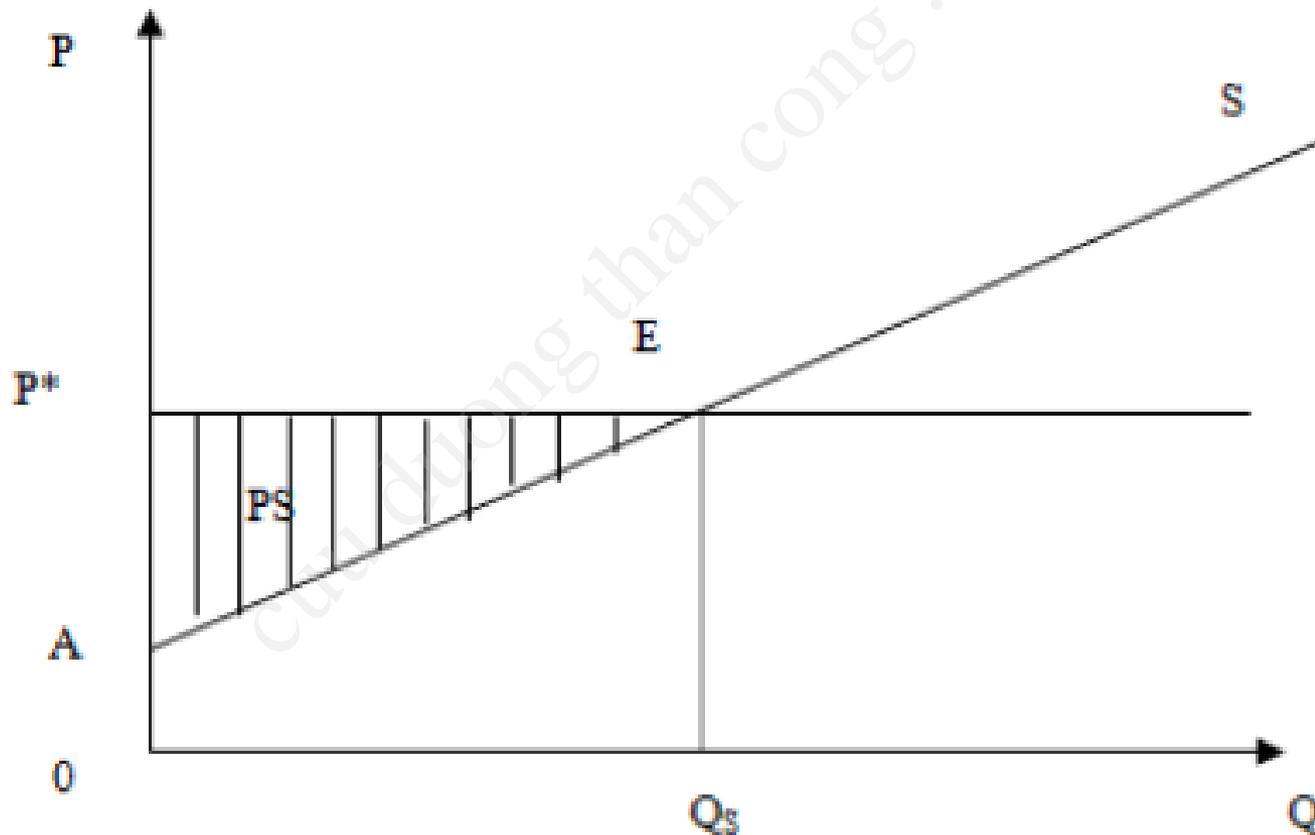
Chi phí cơ hội

- Chi phí là lượng tiền bỏ ra để mua nhập lượng
- Chi phí cơ hội là khoản thu nhập có thể kiếm được theo một **phương án khác tốt nhất** sử dụng nhập lượng đó
- Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, chi phí bằng tiền của nhập lượng sẽ bằng chi phí cơ hội vì nhiều người sử dụng tiềm năng sẽ **đấu giá** nhập lượng đến thu nhập tiềm năng của họ trong phương án sử dụng thay thế.

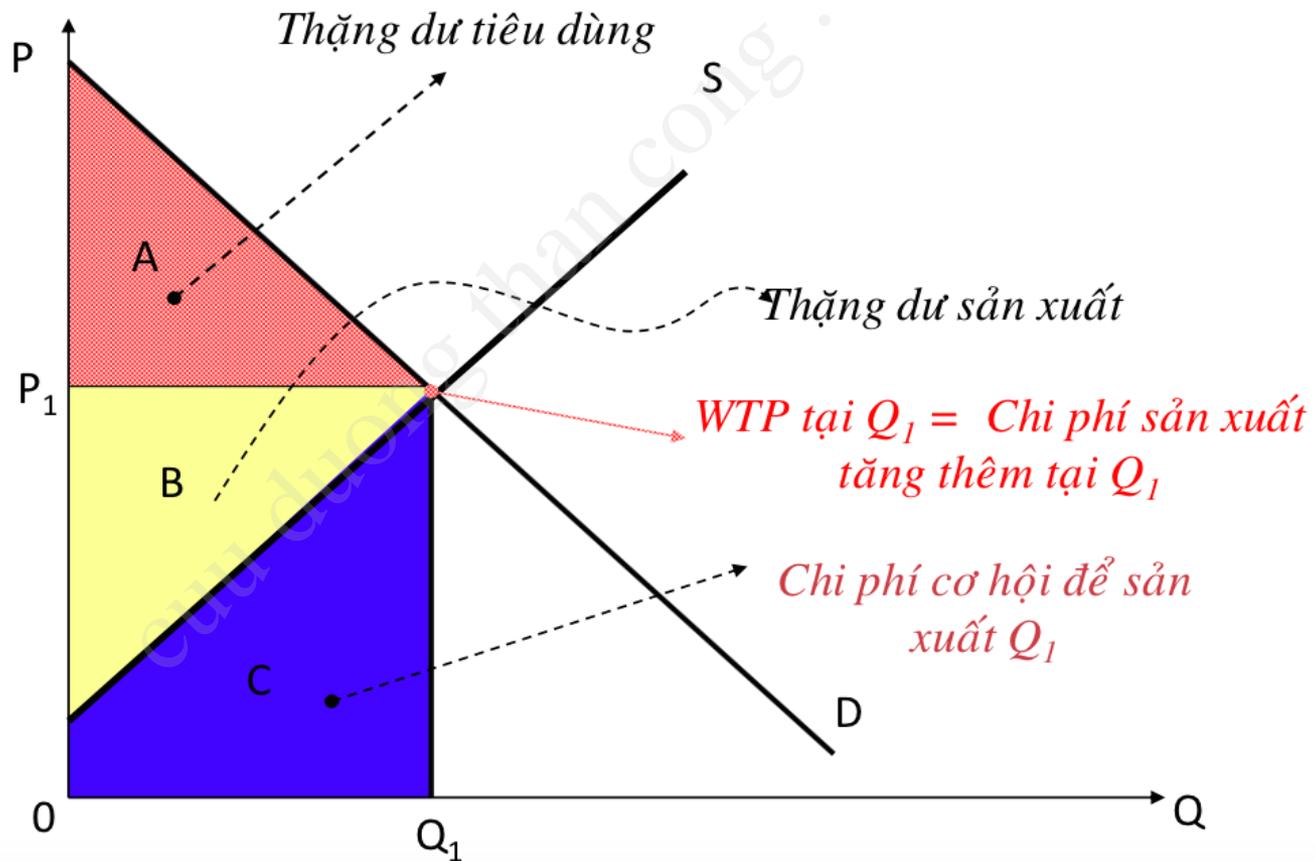
Thặng dư sản xuất

- Thặng dư sản xuất (PS) là sự chênh lệch giữa tổng doanh thu và chi phí sản xuất
- Thặng dư sản xuất là lợi ích kinh tế của người bán

Thặng dư sản xuất



Thặng dư xã hội (SS)



- Tổng lợi ích = diện tích dưới đường cầu
- Tổng chi phí = diện tích dưới đường cung
- Lợi ích ròng = Tổng lợi ích – tổng chi phí
- Net social benefit = Total willingness to pay – Opportunity cost = consumer surplus + producer surplus

Thặng dư xã hội

- Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, cân bằng thị trường tối đa hoá thặng dư xã hội (sự phân bổ nguồn lực đạt tối ưu Pareto)
- Tối ưu Pareto đạt được khi giá người tiêu dùng trả cho hàng hoá bằng chi phí biên xã hội để sản xuất hàng hoá đó
- Bất kỳ nguyên nhân nào làm sản lượng chệch khỏi điểm cân bằng cũng gây tổn thất (thặng dư xã hội không được tối đa hoá)